

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 1991/2023/DS-ST
Ngày: 21/6/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 650/2022/TLST-DS ngày 03/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1876/2023/QĐXXST-DS ngày 25/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2545/2023/QĐST-DS ngày 23/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần QTVN
Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà ST -111A đường P, phường BN, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Vũ Anh C, sinh năm: 1985
Địa chỉ: Tầng 6 Tòa nhà P, số 26 đường VK, Phường X, quận NT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng V, sinh năm: 1985
Địa chỉ: số nhà 63/6 Đường Y, Khu phố Z, phường LX, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông C có mặt, ông V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2021 của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Anh C:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN (gọi tắt là Ngân hàng QT) và ông Nguyễn Đăng V có quan hệ giao dịch vay tài sản thông qua hai hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

1/ Ngày 21/7/2017, Ngân hàng QT ký hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 với nội dung Ngân hàng đồng ý cho ông Nguyễn Đăng V vay số tiền 75.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, mức lãi suất được quy định cụ thể tại Đơn đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày khoản vay được giải ngân, phương thức thanh toán trả góp trong 60 kỳ (tháng), trả gốc và lãi vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền gốc, lãi tổng cộng 1.945.541 đồng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 25/7/2017 ngân hàng đã giải ngân 75.000.000 đồng vào tài khoản của ông V theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 0615.KUNNTCDP-VIB828/17 được ký cùng ngày. Tại khế ước thỏa thuận cụ thể mức lãi suất cho vay cố định 19%/năm áp dụng trong suốt thời hạn vay.

Sau khi nhận tiền, ông V thực hiện việc thanh toán gốc, lãi cho ngân hàng được 03 lần nhưng không đúng hạn, từ ngày 25/11/2017 thì ngừng thanh toán. Trong 03 lần thanh toán thì ông V chỉ thanh toán xen kẽ, không đúng phân kỳ trả nợ hàng tháng nên từ ngày 25/9/2017 (thời điểm ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán kỳ thứ 3), ngân hàng chuyển số tiền nợ gốc phải thanh toán trong kỳ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn trên số nợ gốc phải trả trong kỳ. Từ ngày 27/6/2019 ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại của ông V sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn trên toàn bộ nợ gốc.

Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền 145.879.520 đồng, trong đó tiền nợ gốc 72.669.944 đồng, tiền nợ lãi trong hạn từ ngày 25/7/2017 đến ngày 26/6/2019 là 24.350.673 đồng và nợ lãi quá hạn từ ngày 27/9/2017 đến ngày 07/7/2021 (ngày ngân hàng khởi kiện) là 48.858.903 đồng.

2/ Ngày 29/9/2017, ông Nguyễn Đăng V nộp hồ sơ đề nghị Ngân hàng QT cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi xem xét đề nghị của ông V, ngày 02/10/2017 Ngân hàng QT căn cứ vào điều kiện, mức thu nhập của ông V đồng ý phê duyệt cấp thẻ tín dụng QT cho ông V, loại thẻ VIB Gold, hạn mức sử dụng 35.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất 28%/năm, phí chậm thanh toán 4% trên số tiền chậm thanh toán (tối thiểu 120.000 đồng), phí vượt hạn mức là 3% trên số tiền vượt hạn mức (tối thiểu 50.000 đồng); thời hạn sử dụng thẻ là 3 năm (từ tháng 10/2017 đến tháng 10/2020). Ông V đã nhận thẻ và thực hiện các giao dịch tính đến ngày 07/7/2021 với tổng số tiền 33.170.000 đồng và không thanh toán được cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Ngân

hàng đã chấm dứt hoạt động thẻ tín dụng của ông V. Đến nay Ngân hàng QT yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền 57.046.874 đồng, trong đó dư nợ gốc 33.170.000 đồng, nợ lãi và phí tạm tính đến ngày 07/7/2021 là 23.876.874 đồng.

Tổng cộng hai khoản vay tính đến ngày 07/7/2021 Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Đăng V phải thanh toán là 202.926.394 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Đăng V, đồng thời triệu tập ông V đến trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V vắng mặt.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông V phải thanh toán số tiền 248.439.447 đồng, trong đó hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 dư nợ gốc là: 72.669.944 đồng, nợ lãi trong hạn 20.734.669 đồng, nợ lãi quá hạn tính từ ngày 25/9/2017 đến ngày 21/6/2023 là 97.987.960 đồng; dư nợ thẻ tín dụng 33.170.000 đồng, nợ lãi và phí tính từ ngày 14/10/2017 đến ngày 21/6/2023 là 23.876.874 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017 là 191.392.573 đồng (trong đó dư nợ gốc 72.669.944 đồng, tiền lãi 118.722.629 đồng) và tiền nợ thẻ tín dụng là 57.046.874 đồng (trong đó dư nợ gốc 33.170.000, lãi và phí là 23.876.874 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng V đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 63/6 Đường 8, Khu phố 1, phường Linh Xuân, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ tháng 5/2021 ông V không còn cư trú tại địa phương. Xét thấy đây là địa chỉ khi tiến hành giao dịch vay tài sản bị đơn cung cấp cho nguyên đơn nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp bị đơn thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vì vậy, căn cứ địa chỉ ghi trên hợp đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017 và Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/9/2017 (phê duyệt ngày 02/10/2017) được ký kết giữa ông Nguyễn Đăng V và Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN trên cơ sở tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đã phát sinh V và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

Xét, lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với hợp đồng tín dụng, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ, Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng do nguyên đơn cung cấp nên có cơ sở xác định bị đơn đã nhận được 75.000.000 đồng tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 và đã nhận thẻ tín dụng QT hạn mức 35.000.000 đồng để sử dụng.

[2.2] Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán số tiền vay. Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017, Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 25/7/2017, Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng QT ngày 29/9/2017, Sao kê tín dụng để xác định:

[2.2.1] Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017:

Sau khi nhận tiền vay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được 3 lần, tương đương số tiền 5.946.060 đồng. Số tiền bị đơn thanh toán được nguyên đơn trừ vào nợ gốc 2.330.056 đồng và thu tiền lãi 3.616.004 đồng.

Trong 03 lần thanh toán thì ông V thanh toán chậm so với lịch trả nợ nên từ ngày 26/9/2017 (thời điểm ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán kỳ thứ 3), Ngân hàng chuyển số tiền nợ gốc phải thanh toán trong kỳ sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn trên số nợ gốc phải trả trong kỳ. Từ ngày 27/6/2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ số dư nợ gốc còn lại của ông V sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn trên toàn bộ nợ gốc là phù hợp với thỏa thuận tại điểm g mục 1.4 Điều 1 của bảng Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng đính kèm hợp đồng tín dụng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 72.669.944 đồng, tiền nợ lãi trong hạn từ 25/7/2017 đến ngày 26/6/2019 là 24.350.673 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 26/9/2019 đến ngày 21/6/2023 là 97.987.960 đồng là có căn cứ.

[2.2.2] Đối với khoản vay thẻ tín dụng theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/9/2017:

Sau khi xem xét nguyện vọng, điều kiện của bị đơn theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/9/2017; ngày 02/10/2017 nguyên đơn đã phê duyệt đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức 35.000.000 đồng cho bị đơn sử dụng. Căn cứ Sao kê thẻ tín dụng đủ cơ sở xác định bị đơn đã nhận thẻ tín dụng và thực hiện giao dịch, bị đơn đã có giao dịch bằng thẻ tín dụng nhiều lần với tổng số tiền 33.170.000 đồng trong thời gian từ ngày 13/10/2017 đến ngày 10/4/2019. Sau các lần giao dịch, bị đơn không thanh toán được cho nguyên đơn khoản tiền nào, vì vậy số tiền dư nợ gốc của bị đơn đến nay là 33.170.000 đồng.

Do bị đơn đã giao dịch vượt quá hạn mức và vi phạm về thời gian thanh toán nên đã phát sinh tiền lãi từ ngày 13/10/2017 đến ngày 21/6/2023 là 9.583.074 đồng và các khoản phí (phí rút tiền mặt, phí vượt hạn mức, phí chậm thanh toán) là 14.293.800 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 9 Bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Vì vậy, yêu cầu của bị đơn về số tiền nợ lãi và phí có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 40, 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Đăng V;

Ông Nguyễn Đăng V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN số tiền 248.439.447 (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng, bao gồm: số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017 dư nợ gốc là: 72.669.944 đồng, nợ lãi trong hạn 20.734.669 đồng, nợ lãi quá hạn 97.987.960 đồng; số tiền vay theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/9/2017 dư nợ gốc 33.170.000 đồng, nợ lãi và phí là 23.876.874 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0615/HDTCDP-VIB828/17 ngày 21/7/2017 và Bảng Điều khoản sử dụng thẻ tín dụng đính kèm Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 29/9/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đăng V phải chịu 12.421.972 (mười hai triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần QTVN được nhận lại 5.073.160 (năm triệu không trăm bảy mươi ba nghìn một trăm sáu mươi) đồng tiền tạm ứng án

phí theo biên lai thu số AA/2021/0028639 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có V thỏa thuận thi hành án, V yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7 a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh